

ĐỒ GÓM THƯƠNG MẠI VIỆT NAM THẾ KỶ XIV - XVII

NGÔ THẾ BÁCH *

Tóm tắt: Việt Nam là một trong không nhiều quốc gia trong khu vực Châu Á có truyền thống sản xuất đồ gốm sứ lâu đời và nổi tiếng nhất trong lịch sử, đồng thời là một trong 3 quốc gia (Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản) xuất khẩu đồ gốm sứ ra nước ngoài phát triển mạnh. Bài viết giới thiệu một cách tổng quan tình hình phát hiện và nghiên cứu sự phát triển đồ gốm Việt Nam và lịch sử giao thương biển với đồ gốm ở Châu Á thế kỷ XIV - XVII. Trên cơ sở đó, bài viết hệ thống hóa tư liệu, tổng hợp phân tích các kết quả nghiên cứu từ trước đến nay của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về đồ gốm thương mại Việt Nam dựa trên các nguồn sử liệu, các phát hiện khảo cổ học tại các di tích mộ táng, di chỉ cư trú, di tích thương cảng trong đất liền, các di tích tàu đắm cổ dưới đáy đại dương tại các nước trong khu vực Châu Á.

Từ khóa: Gốm Việt Nam; thương mại; thị trường; quốc tế.

1. Đôi nét về đồ gốm Việt Nam với mạng lưới thương mại biển quốc tế

1.1. Là quốc gia nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam Á, với bờ biển dài 3.260km, Việt Nam nằm ở ngay ngã tư quan trọng của các đường hàng hải (giữa một bên là Châu Âu và Viễn Đông, và bên kia là giữa Nhật Bản và các “con rồng Châu Á”). Việt Nam được coi là cửa ngõ thông thương của khu vực Đông Nam Á, nắm giữ vai trò quan trọng trong hệ thống thương mại biển quốc tế. Trong nhiều thế kỷ, với sự ra đời của nhiều thương cảng và tham gia chủ chốt của các thương nhân Trung Quốc và Hồi giáo Tây Á, đồ gốm sứ đã chính thức tham gia vào con đường tơ lụa trên biển và dần hình thành “Con đường gốm sứ trên biển”.

Nghề gốm ở Việt Nam đã có cách ngày nay hàng chục nghìn năm, nhưng đồ gốm men chính thức ra đời từ những

năm đầu Công Nguyên. Từ thời Lý trở đi, công nghệ chế tạo đồ gốm sứ Việt Nam không ngừng phát triển và có bước tiến vượt bậc trong công nghệ sản xuất, trong loại hình sản phẩm và nghệ thuật trang trí hoa văn trên gốm. Bên cạnh việc sản xuất những đồ gốm phục vụ cho nhu cầu của thị trường trong nước, từ thế kỷ XIV, Việt Nam đã chính thức tham gia vào mạng lưới xuất khẩu đồ gốm qua con đường gốm sứ trên biển. Các thời kỳ sau đó, thời Lê sơ (thế kỷ XV), thời Lê trung hưng (thế kỷ XVII), Việt Nam cũng đã xuất khẩu một số lượng lớn đồ gốm sứ sang thị trường Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Tây Á. Việc tham gia vào hệ thống thương mại quốc tế trên biển đã khẳng định rõ hơn vai trò và vị trí của Việt Nam trong khu vực Châu Á và cả với phương Tây.

(*) Thạc sĩ, Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội.

1.2. Những phát hiện khảo cổ học tại các di tích ở Việt Nam và nước ngoài cho thấy, từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII, sản phẩm của các lò gốm Bắc Việt Nam được đem đi tiêu thụ rộng rãi ở các thị trường nước ngoài.

Bên cạnh thị trường nội địa, đồ gốm Việt Nam còn được tìm thấy trong nhiều di tích khảo cổ học trên đất liền, dưới đáy đại dương tại các nước trong khu vực Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia, Philippines hay xa hơn là các nước vùng Đông Bắc Á như Nhật Bản và Tây Á như Ai Cập. Đáng chú ý, chúng được tìm thấy khá nhiều trong các di chỉ cư trú, mộ táng, di tích thương cảng.

Cuộc khai quật con tàu đắm ở Cù Lao Chàm đã góp thêm bằng chứng trong việc nghiên cứu giao thương quốc tế biển và gốm thương mại Việt Nam trong lịch sử. Trong thế kỷ XV, Việt Nam tiếp tục tham gia một cách tích cực nhất vào con đường gốm sứ trên biển vốn đã được thiết lập từ một thế kỷ trước đó. Đây cũng là thời kỳ hưng thịnh nhất của đồ gốm thương mại Việt Nam. Đầu thế kỷ XVI, tình hình sản xuất gốm trong nước có phần giảm sút nhiều so với thế kỷ XV. Đồ gốm Việt Nam xuất khẩu trong giai đoạn này được xác nhận chắc chắn nhất ở Nhật Bản, chủ yếu có niên đại cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII. Từ thế kỷ XVII, số lượng đồ gốm Việt Nam tìm thấy trong các địa điểm khảo cổ học của Nhật Bản và ở Đông Nam Á tăng lên rõ rệt. Đây là thời kỳ phát triển của kinh tế hàng hóa và thời kỳ hưng thịnh của các cảng thị ở cả hai miền Bắc và Trung Việt Nam. Nhờ đó Việt Nam có điều kiện giao thương với Đông Nam

Á, với phương Tây và phương Đông. Tuy nhiên, Đông Nam Á mới là thị trường chính tiêu thụ gốm thương mại Việt Nam với rất nhiều địa điểm đã phát hiện được đồ gốm Việt Nam.

Những báo dẫn nêu trên đã phác họa sinh động về bối cảnh giao lưu thương mại của đồ gốm, gợi mở về cuộc hành trình của những chuyến hàng và mạng lưới tiêu thụ đồ gốm Việt Nam. Đồng thời, minh chứng rõ ràng đồ gốm Việt Nam là mặt hàng không thể thiếu trong giao lưu thương mại Châu Á và có những đóng góp quan trọng trong đời sống văn hóa cộng đồng. Đồ gốm như là giấy thông hành, là nhịp cầu nối giữa các nền văn hóa. Những phát hiện ngày càng nhiều về đồ gốm Việt Nam tại các di tích khảo cổ học ở lục địa, hải đảo và các di chỉ tàu đắm đã giúp chúng ta tái tạo lại bối cảnh lịch sử và dòng chảy xuất khẩu của gốm Việt Nam qua con đường thương mại biển quốc tế.

2. Đồ gốm thương mại Việt Nam thế kỷ XIV - XVII

2.1. Các trung tâm sản xuất đồ gốm thương mại ở Việt Nam

Sau khi đất nước thoát khỏi ách thống trị ngàn năm của phong kiến phương Bắc, dưới thời Lý (1010 - 1225), nghề gốm men Việt Nam đã có bước phát triển cao cả về kỹ thuật và nghệ thuật. Từ thời Trần (1225 - 1400), nhiều trung tâm sản xuất gốm ra đời và phát triển mạnh như Thăng Long, Bát Tràng (Hà Nội), Vạn Yên (Chí Linh), Chu Đậu (Nam Sách), Bình Giang (Hải Dương), Tức Mặc, Cồn Chè (Nam Định)... Nhiều sản phẩm gốm có chất lượng cao như gốm men ngọc, gốm men nâu, gốm

hoa nâu, gốm men trắng, gốm vẽ nâu sẫm và gốm hoa lam được sản xuất nhiều ở các lò gốm này. Tuy nhiên, cho đến thập niên 80 thế kỷ XX, việc nghiên cứu, khai quật các di tích, xác định các trung tâm sản xuất đồ gốm Việt Nam và thu thập tư liệu về đồ gốm Việt ở nước ngoài mới được các nhà nghiên cứu Việt Nam quan tâm. Những thông tin về chiếc bình gốm hoa lam trưng bày tại Bảo tàng Topaki thực sự đã đóng góp thúc đẩy quá trình tìm kiếm, xác định các nơi sản xuất gốm xuất khẩu ở tỉnh Hải Hưng (nay là Hải Dương).

Kết quả đã cho nhiều khai mở thú vị, các nhà nghiên cứu đã phát hiện và xác định được hàng chục di tích gốm sứ. Những nghiên cứu cho thấy rằng, thế kỷ XIV - XV nghề gốm Việt Nam đã có bước phát triển mạnh không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng. Nhiều trung tâm sản xuất gốm xuất khẩu mới ra đời và phát triển nhanh cả về quy mô và tốc độ. Thời kỳ này có rất nhiều làng gốm chuyên làm đồ gốm men. Riêng ở Hải Dương có 7 làng chuyên sản xuất đồ gốm men, đó là Chu Đậu - Mỹ Xá (huyện Nam Sách), Ngói, Cậy, Láo, Bá Thủy, Hợp Lễ (huyện Bình Giang). Trung tâm gốm Bát Tràng (làng Bát Tràng và Kim Lan hiện nay) vẫn duy trì và phát triển khá phồn thịnh trong giai đoạn này. Đầu những năm 90 thế kỷ XX, những nghiên cứu, khai quật các di tích gốm sứ ở Hải Dương đã góp phần khẳng định Chu Đậu, Cậy và Ngói là những trung tâm sản xuất gốm xuất khẩu quan trọng đặc biệt ở Việt Nam. Việc tiến hành khai quật nhiều lần với quy mô lớn di tích gốm sứ Hợp Lễ của

Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Hải Hưng cũng góp phần xác định rằng, Hợp Lễ ngoài việc làm gốm tiêu thụ nội địa là chính, còn có sản xuất gốm xuất khẩu.

Các cuộc khai quật nhiều di tích khảo cổ học lịch sử ở nhiều nơi trên đất Việt Nam (như các di tích Hoàng Thành Thăng Long, Lam Kinh và nhất là khai quật tàu đắm Cù Lao Chàm) đã khẳng định rằng, các trung tâm sản xuất gốm xuất khẩu là: Thăng Long, Bát Tràng (Hà Nội), Chu Đậu, Mỹ Xá, Cậy, Ngói, Hợp Lễ (Hải Dương), trong đó Chu Đậu chiếm vị trí nổi bật. Cho đến nay, Hải Dương nói chung và Chu Đậu - Mỹ Xá nói riêng được xếp vị trí hàng đầu trong việc sản xuất đồ gốm men xuất khẩu ở Việt Nam giai đoạn đương thời. Các trung tâm sản xuất đồ gốm xuất khẩu luôn ở cận kề các bến sông và gần các thương cảng biển. Tuy nhiên, kết quả khai quật ở Hải Dương cũng cho biết rằng, từ thế kỷ XVI, tình hình sản xuất gốm trong nước đã có phần giảm sút rất nhiều so với thế kỷ XV. Nhiều loại hình gốm xuất khẩu thế kỷ XV không thấy sản xuất nữa. Thời kỳ này, gốm trong các di chỉ thường có chất lượng thấp, loại hình đơn điệu, hoa văn đơn giản và dường như đây là những sản phẩm phục vụ chủ yếu cho thị trường nội địa. Những phát hiện khảo cổ học trong nước và nước ngoài cho thấy, thế kỷ XVII đồ gốm xuất khẩu của Việt Nam chất lượng cũng không cao, hoa văn trang trí đơn giản, chủ yếu là hoa lá cách điệu. Sản phẩm gốm trong thời kỳ này chủ yếu là của các lò vùng Bình Giang (Hải Dương), bao gồm di chỉ Hợp Lễ và Cậy.

2.2. Đồ gốm Việt Nam trong lịch sử giao thương biển

Dưới thời nhà Trần (1226 - 1400), quan hệ giao thương giữa Đại Việt với các quốc gia khu vực Đông Nam Á, Đông Á rất mật thiết. “Nhà Trần đã có những biện pháp khuyến khích thủ công nghiệp và thương nghiệp, chưa áp dụng những chính sách ức thương ngặt nghèo như các triều Lê, Nguyễn sau này. Chợ có ở khắp nơi, họp đều kỳ. Kinh thành Thăng Long có 61 phường buôn bán tập nập, nhộn nhịp cả về ban đêm. Vân Đồn vẫn là địa điểm giao thương quốc tế, trao đổi hàng hóa giữa Đại Việt với các nước khác ở Đông Nam Á và Đông Á”⁽¹⁾. Nguyễn Văn Kim và Nguyễn Mạnh Dũng đã dẫn kết quả thống kê theo sách *Toàn thư*: “So với thời Lý và Lê, thời Trần là thời kỳ có nhiều sứ bộ Trung Quốc nhất đến nước ta. Cụ thể, sứ đoàn Trung Quốc đã trực tiếp đến Thăng Long thời Lý 15 lần, thời Trần 36 lần, các triều Lê sơ - Mạc - Lê trung hưng là 30 lần. Cùng với Trung Quốc, các quốc gia láng giềng khu vực cũng cử nhiều đoàn sứ thần sang nước ta giao hiếu. Việc giao lưu, trao đổi giữa nước ta với các quốc gia khu vực cũng diễn ra một cách thường xuyên”⁽²⁾. Việc giao thương buôn bán dưới thời Trần còn cho phép thuyền buôn Trung Quốc vào cập bến sông ở phường Yên Hoa của Thăng Long. Sứ cũ cũng ghi chép chuyện Hứa Tôn Đạo (đạo sĩ phương Bắc) đã theo thương thuyền vào Thăng Long năm 1302. Thành Thế Vĩ đã đưa ra nhận xét: “Những đồ gốm, vải lụa, trang sức (của Việt Nam) không thể không làm cho lái buôn chú ý. Dần dần hình thành một thị trường nhằm hai mục đích: một là để

các lái buôn Trung Quốc đến bán hàng và mua hàng của ta đem đi nước khác bán; hai là để các lái buôn Trung Quốc đến bán hàng của họ, mua hàng của ta đem về nước họ hoặc buôn bán tại chỗ để làm giàu”⁽³⁾.

Những phát hiện khảo cổ học tại các di tích ở Việt Nam và nước ngoài cho thấy, từ thế kỷ XIV, sản phẩm của các lò gốm Bắc Việt Nam không những được đem đi bán rộng rãi ở các thị trường trong nước và còn là mặt hàng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Như trên đã nói, thị trường tiêu thụ đồ gốm Việt Nam rất đa dạng và rộng lớn, điều này có thể kiểm chứng qua sự hiện diện của các sản phẩm gốm sứ Việt Nam tại các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á và Tây Á. Bên cạnh những di tích trên đất liền, đồ gốm men Bắc Việt Nam còn được tìm thấy trên các con tàu đắm, cùng với đồ gốm Trung Quốc và Thái Lan. Trong con tàu đắm Rang Kwian (vùng biển vịnh Thái Lan), người ta phát hiện được các loại bát, đĩa, chén, âu... gốm Việt. Phần lớn đây là đồ gốm hoa lam, có hoa văn trang trí phổ biến là cảnh hoa cúc và dây hoa văn mây hình khánh.

Cuối năm 2000, một nhóm ngư dân ở vùng biển tỉnh Cà Mau trong khi đánh cá ngoài khơi đã vớt được dưới đáy biển rất nhiều đồ gốm Việt Nam và đồ sứ Trung Quốc (tàu đắm Cà Mau 2).

⁽¹⁾ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.80.

⁽²⁾ Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng (2007), *Việt Nam trong hệ thống thương mại Châu Á thế kỷ XVI - XVII*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.311- 350.

⁽³⁾ Thành Thế Vĩ (1961), *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb Sử học, Hà Nội.

Những đồ gốm Việt Nam có đặc điểm giống như đồ gốm trên tàu đắm Rang Kwian. Điều đó cho thấy những đồ gốm ấy có mối quan hệ cùng thời kỳ. Gốm hoa lam Việt Nam trên tàu đắm này khá phong phú, đa dạng với các loại bát, đĩa, bình tỷ bà và lọ nhỏ. Đồ gốm Trung Quốc có loại gốm hoa lam lò Cảnh Đức Trấn và gốm men ngọc lò Long Tuyền, tất cả đều mang phong cách gốm thời Nguyên thế kỷ XIV.

Như vậy, cùng với Rang Kwian, tư liệu gốm trên tàu đắm Cà Mau 2 đã góp phần làm sáng rõ hơn về bức tranh xuất khẩu đồ gốm Việt Nam trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIV. Mặc dù dấu vết con tàu này chưa được xác định chắc chắn, nhưng đây là phát hiện rất quan trọng về con tàu chở gốm Việt Nam có niên đại sớm hơn tàu đắm Cù Lao Chàm (Hội An, tỉnh Quảng Nam) gần một thế kỷ. Đây cũng là con tàu thứ hai chuyên chở đồ gốm xuất khẩu của Việt Nam được phát hiện trong lãnh hải Việt Nam.

Ngoài những phát hiện trong khu vực Đông Nam Á, gốm hoa lam Bắc Việt Nam còn được tìm thấy ở một số di tích quan trọng vùng Tây Á. Số lượng gốm Việt Nam thế kỷ XV tìm thấy trong các di tích ở các nước tiêu thụ tăng lên rõ rệt. Điều đó cho thấy sự phát triển đột biến của ngành xuất khẩu gốm Việt Nam ra thị trường quốc tế ở thời kỳ này. Theo báo cáo của Kin Seiki, riêng ở Ryukyu (Nhật Bản) có 8 di chỉ tìm thấy đồ gốm Việt Nam. Trong đó đáng chú ý là những phát hiện ở di chỉ Nakijin và Shuri. Những đồ gốm này đều có nguồn gốc từ các lò gốm Bắc Việt Nam, có niên đại thế kỷ XIV và thế kỷ XV. Cuộc khai quật tàu đắm Pandanan ở Philippines năm

1995 cho thấy: gốm Việt Nam chiếm 70%, chủ yếu sản xuất ở tỉnh Bình Định (Nam Việt Nam), số ít là gốm sản xuất ở tỉnh Hải Dương (Việt Nam); con tàu này được xác định niên đại giữa thế kỷ XV. Cuộc khai quật con tàu đắm ngoài đảo Blanakan ở Ujung Karawang, Tây Java, Indonesia năm 1998 cũng phát hiện đồ gốm Việt Nam, chủ yếu là gốm hoa lam được sản xuất ở tỉnh Hải Dương. Tàu Blanakan có niên đại thế kỷ XV - XVI.

Cuộc phát hiện và khai quật khảo cổ học dưới nước con tàu đắm Cù Lao Chàm (Quảng Nam, Việt Nam) năm 1997 - 2000 đã thu được hơn 240.000 di vật, chủ yếu là gốm Việt Nam thế kỷ XV. Điều đó là sự minh chứng sinh động về sự tham gia của Việt Nam trên con đường gốm sứ trên biển. Qua thư tịch cổ và các ký sự đương thời chúng ta biết rằng, thế kỷ XV mạng lưới thương mại ở Đông Nam Á được mở rộng từ Malacca tới khu bờ biển Bắc Java, với sự tham gia tích cực của các thương nhân Hồi giáo tại các hải đảo. Tư liệu thư tịch cổ Việt Nam cũng xác nhận trong thế kỷ XIV - XV, thuyền buôn của nhiều nước Đông Nam Á thường đến các thương cảng ở Bắc bộ Việt Nam để buôn bán, trao đổi bạch đàn, chân châu và hương liệu. Mặc dù những ghi chép này không nói đến mặt hàng gốm, nhưng số lượng đáng kể đồ gốm tìm thấy trong nhiều di tích bến bãi ở Việt Nam như khu vực thương cảng Vân Đồn (tỉnh Quảng Ninh), Lạch Trường (Thanh Hóa), Hội Thống (Nghệ An)... cũng đã xác nhận chắc chắn về những mặt hàng gốm Việt Nam xuất khẩu trong thời kỳ này.

Việc bãi bỏ chính sách “Hải cấm” của nhà Minh năm 1567 đã giúp cho đồ gốm

sứ Trung Quốc trở lại thị trường thế giới, khiến cho đồ gốm Việt Nam gặp nhiều khó khăn trong cuộc cạnh tranh và dần mất thị trường. Trong thế kỷ XVI, đồ gốm Việt Nam mới chỉ được phát hiện tại một số di chỉ khảo cổ ở Nhật Bản. Đó là những phát hiện từ cuộc khai quật di chỉ hào thành Sakai năm 1998, với mảnh lòng đĩa vẽ rồng, dưới đáy viết chữ Phúc nằm trong vòng tròn tại địa điểm SKT3 và hai tiêu bản bát men trắng, thành in nổi hoa văn cúc dây tại địa điểm SKT151, được định niên đại nửa sau thế kỷ XVI, trong thời kỳ Keichou (1595 - 1615). Thời kỳ này, quan hệ giao thương giữa Việt Nam và Nhật Bản phát triển khá mạnh. Bằng chứng cho sự phát triển quan hệ giao thương đó là từ cuối thế kỷ XVI, phố người Nhật Bản đã được xây dựng ở Hội An (Quảng Nam) và hoạt động kéo dài cho tới khi chính phủ Tokugawa thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng vào năm 1639.

Sang thế kỷ XVII, nền kinh tế hàng hóa Việt Nam có những bước phát triển rất đáng kể, nhất là việc xuất khẩu đồ gốm ra thị trường nước ngoài. Về nguyên nhân chủ quan, trước hết phải nói đến chính sách ngoại thương cởi mở của nhà nước phong kiến Việt Nam dưới thời Trịnh - Nguyễn. Các chúa Trịnh (Đàng Ngoài) và các chúa Nguyễn (Đàng Trong) ngoài việc cho các lái thương Hoa Kiều và Nhật Bản ngụ cư còn cho phép các lái phương Tây đến lập thương điểm tại đó. Nguyên nhân khách quan là sự tham dự vào mạng lưới buôn bán gốm sứ tại Châu Á từ đầu thế kỷ XVII của các công ty Đông Ấn Anh (EIC) và Hà Lan (VOC). Thuyền buôn

của các công ty này đã tiến hành những cuộc viễn du sang phương Đông tìm kiếm thị trường, đặt thương điểm và mở rộng mạng lưới buôn bán tại các nước trong khu vực Châu Á. Trong bối cảnh đó, dọc ven biển Việt Nam thời kỳ này đã hình thành nhiều thương cảng với kết cấu kinh tế như các thị trấn, như thương cảng Thanh Hà (Huế), Hội An (Quảng Nam), Nước Mặn (Bình Định), Phố Hiến (Hưng Yên), Kinh Kỳ - Kẻ Chợ (Thăng Long). Đây là những cửa ngõ thông thương với nước ngoài của Đại Việt. Tại các thương cảng này, nhiều mặt hàng đã được bán buôn trao đổi, bao gồm các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp, trong đó có đồ gốm sứ. Thời kỳ này, giao thương giữa Đại Việt và Nhật Bản phát triển khá mạnh mẽ, nhất là ba thập niên đầu của thế kỷ XVII, thời kỳ mà lịch sử Nhật Bản gọi là Shuisen (Châu ấn thuyền). Số thuyền Nhật Bản được cấp giấy phép chính thức đến buôn bán ở Đại Việt từ năm 1604 đến 1635 là 124 thuyền, trong đó 37 thuyền đến Đàng Ngoài (Bắc Việt Nam) và 87 thuyền đến Đàng Trong (Trung - Nam Việt Nam). Mặt hàng người Nhật Bản thường chở đến Đại Việt là bạc, đồng, khí giới. Họ mang về chủ yếu là tơ tằm, hương liệu, đường và đồ gốm sứ. Cho dù sau khi Mạc phủ (Shogun) ban hành lệnh tỏa quốc (Sakoku) hạn chế ngoại thương năm 1636, Nhật Bản vẫn tiếp tục buôn bán với Đại Việt thông qua các tàu buôn Trung Quốc và Hà Lan. Một điểm đáng chú ý là, ngoài việc cho phép các lái buôn người Trung Quốc và Nhật Bản ngụ cư tại các thương cảng, các chúa Trịnh và chúa Nguyễn còn cho phép các lái thương phương

Tây đến lập thương điểm tại đó. Cụ thể, năm 1636, chúa Nguyễn đã cho phép Hà Lan lập thương điểm ở Hội An (Quảng Nam). Sau đó một năm, chính quyền chúa Trịnh cũng cho phép Hà Lan lập thương điểm ở Phố Hiến (Hưng Yên) năm 1637, sau đó lập thương điểm thứ hai ở Thăng Long vào năm 1645. Sự kiện này đã tạo nên cơ hội cho việc giao thương buôn bán ở các khu vực phát triển.

Từ giữa thế kỷ XVII đồ gốm xuất khẩu của Trung Quốc lại đình trệ do nội chiến “phản Thanh, phục Minh” ngày càng leo thang. Thực tế này dẫn đến những biến chuyển lớn. Theo ghi chép của Công ty Đông Ấn Hà Lan, từ năm 1663 đến 1668 đã có khoảng 260.000 tiêu bản gốm sứ Đàng Ngoài được Hoa thương chuyển đến Batavia (Jakarta, Indonesia ngày nay). Từ thời điểm này, gốm sứ Đàng Ngoài đã thay thế đồ gốm Trung Quốc để xuất khẩu rộng rãi ra thị trường Đông Nam Á đến tận đầu thập niên 80 thế kỷ XVII. Những chuyến hàng gốm sứ Đàng Ngoài quy mô do Hoa thương đưa đến Java trong các năm đó gây ấn tượng mạnh, đồng thời thôi thúc Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn của VOC tại Batavia tham gia vào mạng lưới buôn bán gốm sứ nói trên. Chỉ trong 2 năm 1669 - 1670, thương điểm Hà Lan tại Kê Chợ thu mua và gửi về Batavia tổng cộng 937.600 tiêu bản gốm sứ Đàng Ngoài. Từ năm 1663 đến 1681, nếu tính tổng số lượng đồ gốm Đàng Ngoài được xuất khẩu sang Batavia và sang các địa điểm khác ở Đông Nam Á thì số hàng xuất khẩu đã lên đến gần 1,7 triệu sản phẩm. Hồi ký của Dampier viết về đồ gốm Đàng Ngoài cho biết: “Đồ gốm sứ Đàng Ngoài thô và có màu xám.

Tuy nhiên, họ làm ra một số lượng lớn các loại chén có dung tích độ nửa pint (1 pint tương đương 0,58 lít) hoặc nhỏ hơn... Những người Châu Âu đã từng bán những chén này ở nhiều nơi trên đất Mã Lai. Vì thế thuyền trưởng Pool đã cho mua tới gần 100.000 chiếc trong chuyến đi đầu tiên của ông đến Đàng Ngoài với hy vọng sẽ bán lại tại Batavia khi ông quay lại đây. Nhưng do không tiêu thụ được nên ông đã chở sang Bencouli thuộc đảo Sumatra, tại đó ông bán chúng với một giá rất hời cho toàn quyền Bloom. Ông này lại đem phần lớn số hàng trên bán cho dân Mã Lai và được lãi rất to”⁽⁴⁾.

Đồ gốm Việt Nam cũng được phát hiện tại di tích Pukissutosanion ở Malaysia và một số di tích ở Indonesia như Trowulan (Đông Java), Banten Girang và Banten Lama (Tây Java), Selayar (Nam Sulawesi), Warloka (Flores) và Bengkulu (Sumatra). Đáng chú ý là, đồ gốm Việt Nam được phát hiện ở Banten Girang và Banten Lama. Đây là thương cảng nổi tiếng của vương quốc Hồi giáo Banten, hoạt động phồn thịnh trong các thế kỷ XVI - XVII. Gốm Việt Nam ở Banten có cùng niên đại với gốm Hizen (Nhật Bản), khoảng cuối thế kỷ XVII. Cuối thế kỷ XVII, việc xuất khẩu và buôn bán đồ gốm Việt Nam ở Đông Nam Á bị giảm sút do Nhật Bản nổi lên như một thế lực gốm sứ lớn vào năm 1673, ước tính hơn 560.000 tiêu bản gốm sứ Nhật Bản được chuyên chở sang Batavia. Sau khi nhà Thanh bình định được thế lực họ Trịnh tại Đài Loan và bãi bỏ chính sách đóng

⁽⁴⁾ Dampier, William (2011), *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*, Nxb Thế giới, tr.88.

cửa nền ngoại thương Trung Quốc (1683 - 1684), đồ gốm các loại đã theo thuyền buôn Hoa thương tràn ngập thị trường Đông Nam Á, đánh dấu sự trở lại của gốm Trung Quốc sau hơn một thập kỷ bị gốm sứ Đàng Ngoài và Nhật Bản soán ngôi.

Những phát hiện đồ gốm Việt Nam tại Nhật Bản, Đông Nam Á lục địa và hải đảo, Tây Á đã phần nào giúp chúng ta tái tạo được bối cảnh lịch sử xuất khẩu đồ gốm men Việt Nam qua con đường gốm sứ trên biển. Tuy vào cuộc muện hơn Trung Quốc, nhưng đồ gốm Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào mạng lưới quốc tế, đặc biệt là đối với thị trường Đông Nam Á. Việc tìm thấy nhiều loại hình cùng với số lượng phong phú đồ gốm trong các di chỉ khảo cổ học trong và ngoài nước cho thấy, thế kỷ XIV, XV và cuối XVI đến nửa sau thế kỷ XVII là những giai đoạn xuất khẩu quan trọng nhất của gốm Việt Nam. Các nguồn tư liệu phương Tây đã phản ánh giai đoạn trở lại mạnh mẽ của đồ gốm Bắc Việt Nam xuất khẩu ra thị trường quốc tế trong các thập niên 60, 70 và 80 của thế kỷ XVII. Sự nổi lên của đồ gốm Đàng Ngoài (Bắc Việt Nam) đơn thuần là sự thay thế đồ gốm Trung Quốc bị gián đoạn do chính sách đóng cửa nền ngoại thương của triều Mãn Thanh; cũng giống như đồ gốm xuất khẩu của Đại Việt thế kỷ XIV - XV, khi sản phẩm của Trung Quốc không cung cấp đủ cho thị trường khu vực và thế giới dưới tác động của chính sách “Hải Cấm” của nhà Minh. Cũng cần lưu ý thêm, đồ gốm Việt Nam được đưa vào thị trường quốc tế phần lớn đều qua tay các thương lái nước ngoài. Các ký sự và

cổ sử không ghi chép về chuyến đi biển nào của thương nhân Đại Việt ra nước ngoài, họ dường như không có nhiều kinh nghiệm trong các chuyến vượt biển xa mà chỉ đóng vai trò môi giới và trung chuyển hàng hóa trong thị trường nội hạt.

Tài liệu tham khảo

1. Kery Nguyen - Long (2001) “A record of Vietnamese blue and white ceramics in export context”, In *Vietnamese blue and white ceramics*, Social Sciences Publishing House, Hanoi.
2. Mikami Tsugio (1984), “Đồ gốm Việt Nam và sự buôn bán đồ gốm”, *Toàn tập đồ gốm thế giới*, t.16, Gốm Đông Nam Á, Shogakukan, Tokyo.
3. Rosemary Scott (1994), “Southern Chinese Provincial klins: their importance and possible influence on Southeast Asian ceramics”, In *Southeast Asia and China: Art, interaction and commerce*, University of London.
4. Aoyagi Yoji (1991), “Đồ gốm Việt Nam đào được trên các hòn đảo ở Đông Nam Á”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4.
5. John Stevenson, John Guy (1997), *Vietnamese ceramics: A separate tradition*, Art Media Resources, Chicago.
6. Bùi Minh Trí (2003), “Tìm hiểu ngoại thương Việt Nam qua con đường gốm sứ trên biển”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5.
7. Hasebe Gakuji (1991), “Tìm hiểu quan hệ Nhật - Việt qua giao lưu gốm sứ”, *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Asako Morimoto (1996), “Đồ gốm Việt Nam đào được ở Nhật Bản và nguồn gốc của những sản phẩm này”, Tạp chí *Mỹ thuật*, Hội Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, số 16+17.
9. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Thành Thế Vĩ (1961), *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb Sử học, Hà Nội.

